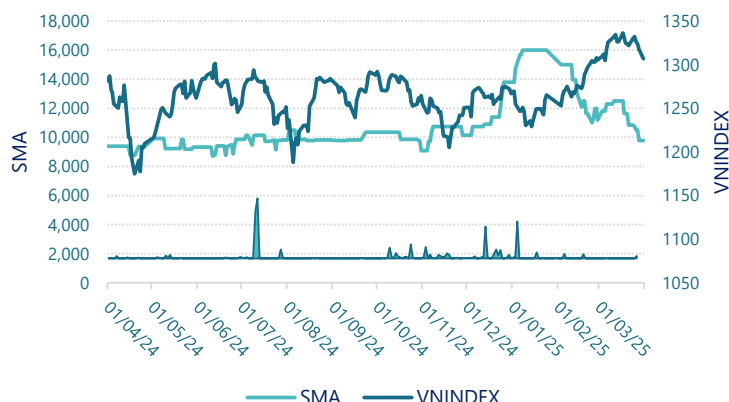


CTCP Thiết bị Phụ Tùng Sài Gòn (HSX: SMA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,780
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,707
SL cổ phiếu LH	20,352,836
KLGD BQ 20 phiên (CP)	425
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	199
P/E	14.3
EPS	683

DT thuần

Q1/25

3.67

tỷ VNĐ

QoQ: ▼18.6| -83.5%

YoY: ▼0.73| -16.6%

LN sau thuế

Q1/25

-7.17

tỷ VNĐ

QoQ: ▼15.7| -184%

YoY: ▲ 1.03| 12.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

50.6%

+/- YoY: ▼ 0.5%

DT thuần

2024

66.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼10.2| -13.4%

LN sau thuế

2024

13.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.00| 8.8%

ROE

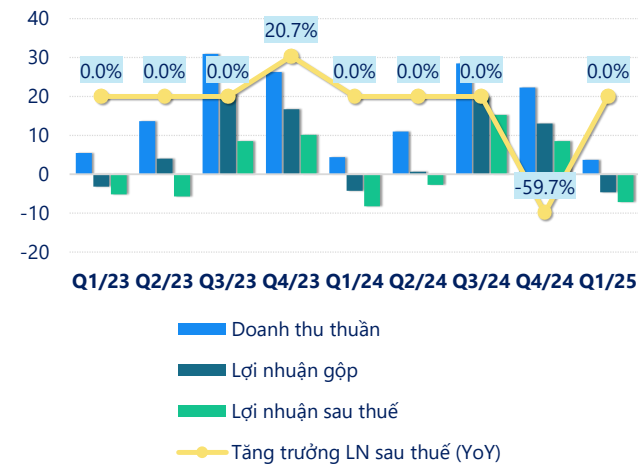
2024

5.5%

+/- YoY: ▲ 0.3%

tỷ VNĐ

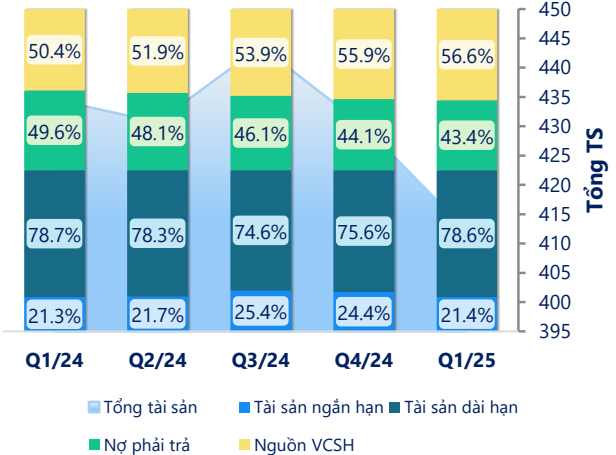
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

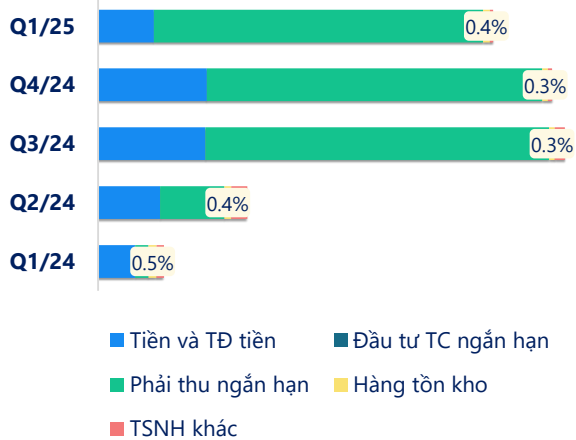
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



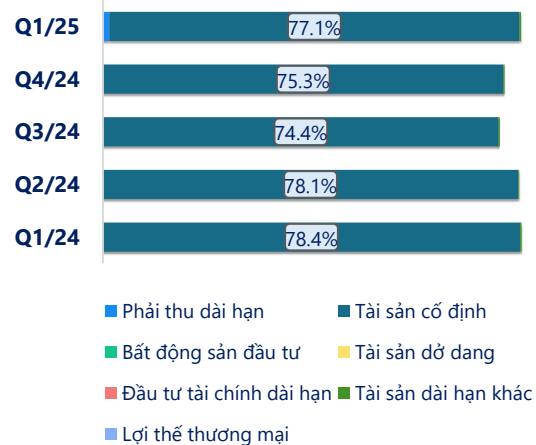
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

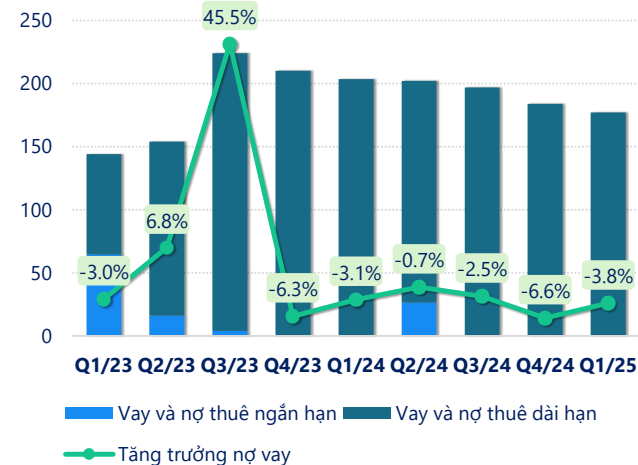
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

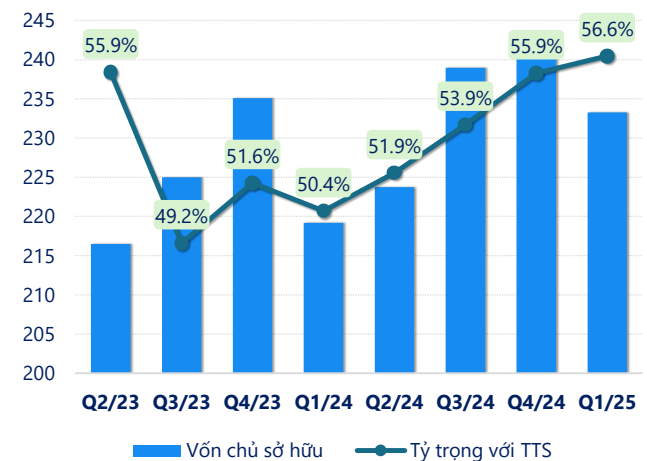
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

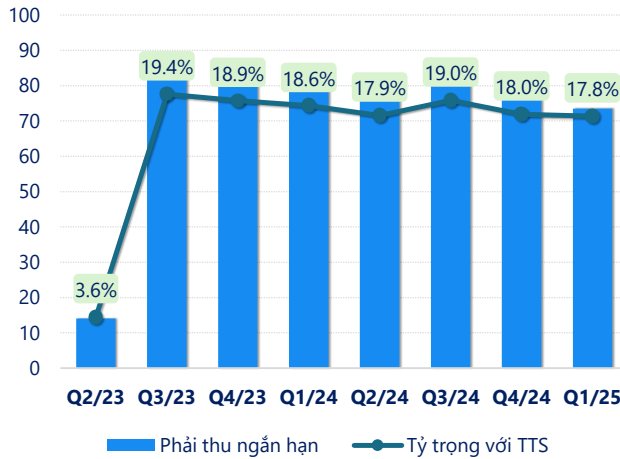
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



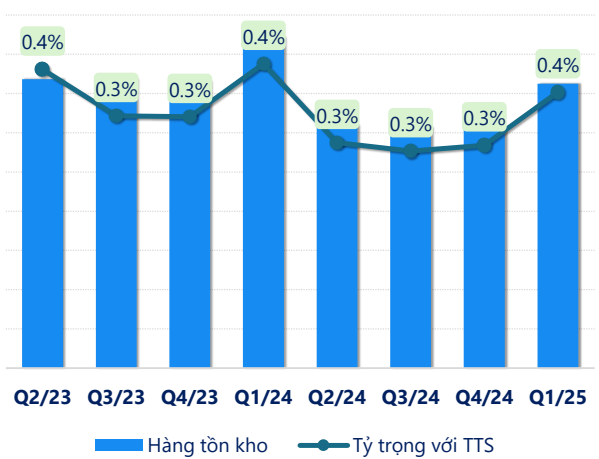
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


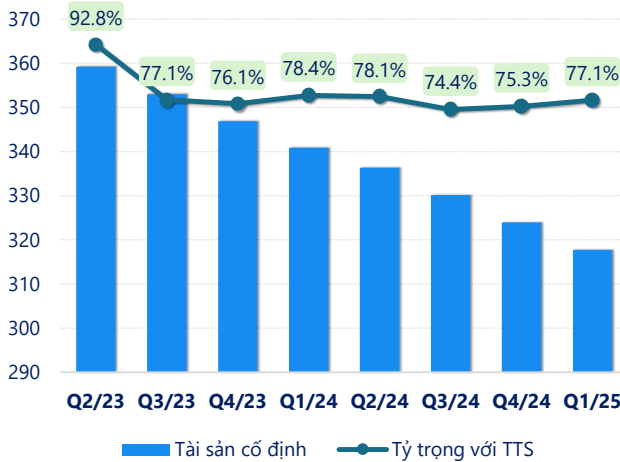
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


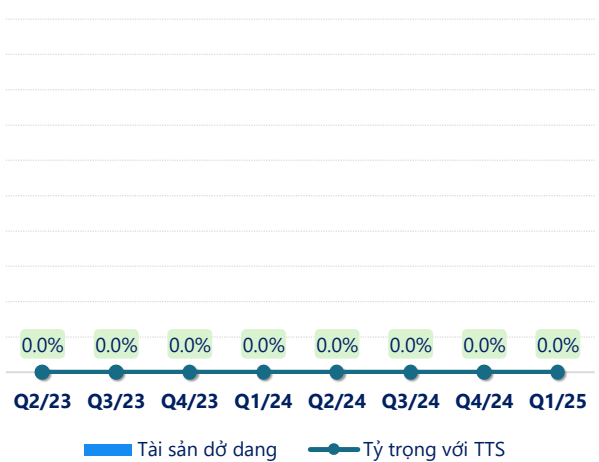
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

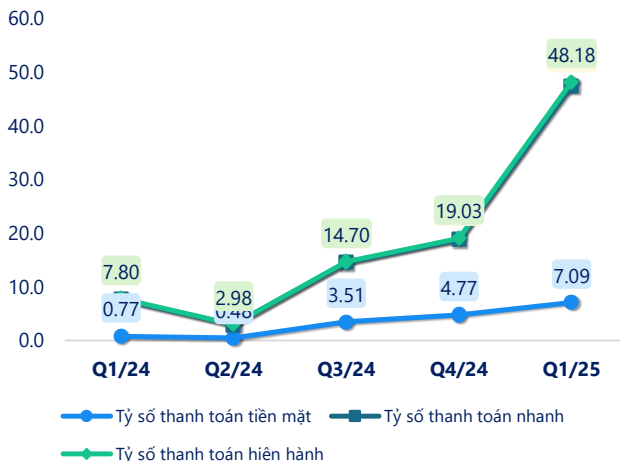
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

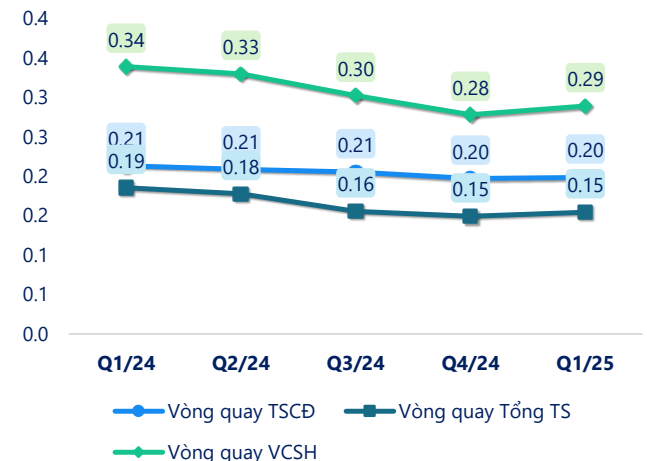
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	435	431	444	430	412
Tài sản ngắn hạn	92.3	93.7	113	105	88.1
Tiền và tương đương tiền	9.12	15.1	26.9	26.4	13.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	80.7	77.1	84.1	77.3	73.5
Hàng tồn kho	1.69	1.24	1.23	1.22	1.45
Tài sản ngắn hạn khác	0.85	0.28	0.37	0.28	0.22
Tài sản dài hạn	342	337	331	325	324
Phải thu dài hạn	0	0.01	0.01	0.01	5.01
Tài sản cố định	341	336	330	324	318
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	1.32	0.72	0.92	0.98	1.28
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	215	207	205	190	179
Nợ ngắn hạn	11.8	31.4	7.66	5.52	1.83
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	26.5	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	0.37	0.92	0.87	0.09	0.06
Nợ dài hạn	204	176	197	184	177
Vay và nợ thuê dài hạn	204	176	197	184	177
Nguồn vốn chủ sở hữu	219	224	239	240	233
Vốn chủ sở hữu	219	224	239	240	233
Vốn điều lệ	204	204	204	204	204
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)